TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ XUYÊN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số:83 /2023/HNGĐ - ST
Ngày:25 - 4 - 2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYÊN, TP HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Phùng Văn Phong.

Các hội thẩm nhân dân: Nguyễn Quang Huy và Nguyễn Thị Thuỳ Hương.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lê Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Long - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 45/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXX - ST ngày 29 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị L, sinh năm 1996; HKTT: Khu L, thị trấn B, huyện Kim Bôi, tỉnh Hoà Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Vương Văn Đ, sinh năm 1991; HKTT: Thôn S, xã Q, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Bùi Thị L trình bày:

Chị với anh Vương Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng kí kết hôn tháng 5 năm 2021 tại UBND thị trấn B, huyện Kim Bôi, tỉnh Hoà Bình. Sau khi đăng ký kết hôn, do mâu thuẫn trong việc làm đám cưới nên anh chị chưa về sống chung với nhau ngày nào, chị vẫn ở trên nhà mẹ đẻ trên tỉnh Hoà Bình, còn anh Đ vẫn ở huyện Phú Xuyên. Do mâu thuẫn trầm trọng nên hai bên không liên lạc với nhau từ ngay sau khi kết hôn. Phía anh Đ cũng không hề gọi chị về đoàn tụ, bản thân chị xác định anh Đoàn có gọi chị cũng sẽ không về chung sống với anh Đ được nữa.

Cảm thấy không còn tình cảm với anh Đ, không thể cùng anh Đ xây dựng hạnh phúc... nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung vợ chồng: Không có nên chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về công nợ chung vợ chồng: Không có nên chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về phía bị đơn anh Vương Văn Đ:

Quá trình tố tụng, anh Đ vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống ổn định cùng mẹ đẻ, em trai và em gái tại địa phương. Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Đ theo quy định của pháp luật, tuy nhiên anh Đ vẫn cố tình không đến Tòa làm việc nên không rõ quan điểm.

*Theo anh Vương Văn A là em trai của anh Đ cung cấ*p: Anh A đã nhận các văn bản tố tụng của Toà án và trực tiếp giao tận tay cho anh Vương Văn Đ, còn việc anh Đ có đến Toà án làm việc hay không thì anh không biết; Theo anh A thì anh Đ và chị L chưa tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, chị L cũng chưa về nhà anh sinh sống ngày nào; Hiện anh Đ cũng vẫn đang ở thôn S, xã Q, huyện Phú Xuyên cùng mẹ đẻ, anh A, và em gái nhưng mẹ đẻ anh hay ốm đau, thường xuyên đi viện nên không có nhà; Vì gia đình theo đạo công giáo, nên anh Đ không đồng ý ly hôn, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật; Vợ chồng không có con chung, không có tài sản công nợ chung.

UBND xã Q nơi cư trú của đương sự có quan điểm: Mâu thuẫn giữa chị L và anh Đ đã trầm trọng, nguyên nhân xuất phát từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm, không mong muốn xây dựng hạnh phúc gia đình… nên sau khi đăng ký kết hôn thì chưa tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, cũng không về chung sống, hiện mỗi người một nơi… nên hôn nhân chỉ là hình thức, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Toà án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh Đ. Các vấn đề về con chung, tài sản chung UBND xã không nắm rõ.

Đại diện VKSND tham gia phiên toà xác định:

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng; Đương sự vắng mặt đã được Tòa án tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; Đương sự có mặt đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà...

Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của chị Bùi Thị L và áp dụng các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình xử: Cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh Vương Văn Đ; Các vấn đề về con chung, tài sản chung, công nợ chung... các bên đều khẳng định không có, không đề nghị Tòa xét nên đặt ra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện VKSND, HĐXX nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Đây là vụ kiện Hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn, bị đơn có địa chỉ cư trú tại thôn S, xã Q, huyện Phú Xuyên nên TAND huyện Phú Xuyên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị L và anh Vương Văn Đ là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện Kim Bôi, tỉnh Hoà Bình (Đăng ký kết hôn số 26 năm 2021). Sau khi đăng ký kết hôn do mâu thuẫn trong việc chuẩn bị đám cưới nên chị L anh Đ đã không tiến hành đám cưới theo phong tục, cũng chưa từng sống chung với nhau mà vẫn mỗi người ở một nơi. Do bất đồng, cả hai đã cắt đứt liên lạc, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau kể từ ngày đăng ký cho đến nay... quan hệ hôn nhân chỉ tồn tại về mặt pháp luật, còn cuộc sống vợ chồng thực tế thì không hề diễn ra.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh Đ đều cố tình vắng mặt không có lý do chứng tỏ anh Đ cũng không mong muốn được hòa giải, chung sống. Phía gia đình anh Đ cũng xác định vợ chồng chị L anh Đ mới chỉ đăng ký kết hôn, chưa từng chung sống, mặt khác, cả hai cũng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nhưng do anh Đ là người theo đạo, nếu ly hôn là trái với giáo lý nên không đồng ý ly hôn mà đề nghị giải quyết theo pháp luật...

Xét hôn nhân giữa chị L và anh Đ đã đến mức trầm trọng do kể từ khi kết hôn chưa hề có một ngày chung sống, cả hai phía đều có chung nhận thức tình cảm vợ chồng không có, cuộc sống chung chưa từng diễn ra, sự tồn tại của quan hệ vợ chồng chỉ là hình thức, không có ý nghĩa…nên yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Các bên đều không đề nghị xét nên Tòa không xét.

Về công nợ chung: Các bên đều khẳng định vợ chồng không có công nợ chung nên Tòa không xét.

[3] *Về án phí:* Nguyên đơn chị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh Vương Văn Đ.

2. Về con chung: Không có nên không xét.

3. Về tài sản chung: Các bên đều không đề nghị xem xét nên không xét.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị L phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0048115 ngày 14/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên. Chị L đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Phú Xuyên;
- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Phú Xuyên;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phùng Văn Phong